

QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ

VŨ VĂN HẬU^(*)

Nhìn suốt chiều dài lịch sử quan hệ dân tộc và tôn giáo đã trải qua những giai đoạn quanh co, có lúc thì đồng thuận trên cơ sở cùng chung lợi ích và mục tiêu, có lúc dường như mâu thuẫn do các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động. Vậy trong bối cảnh hiện nay toàn cầu hoá đã tác động như thế nào tới mối quan hệ dân tộc và tôn giáo. Trước hết cần xác định rõ toàn cầu hoá là gì?

Như đã biết, khái niệm toàn cầu hoá tuy được phổ biến và sử dụng rộng rãi trong đời sống xã hội, song sự thống nhất về nội hàm của nó lại là vấn đề khó xác định. Về mặt nội dung, đa phần đều thống nhất đó là “sự mở rộng không gian xã hội ra khắp hành tinh”. Nếu hiểu như vậy, thì toàn cầu hoá được bắt đầu từ thế kỉ XV, sau khi Christophe Colomb tìm ra Châu Mỹ, các nước phát triển Châu Âu tiến hành ô ạt chinh phục phần còn lại của thế giới. Tiếp đó, từ giữa thế kỉ XIX trở đi, các quốc gia Châu Âu lại chinh phục hàng loạt các nước Châu Á và biến những vùng đất đai rộng lớn, giàu tài nguyên này thành thuộc địa, thành thị trường của mình.

Sau Chiến tranh thế giới II, việc chủ nghĩa thực dân từng bước sụp đổ, hàng loạt các nước thuộc địa ở Châu Á, Phi, Mỹ Latinh giành được quyền độc lập dân tộc,

chính trị; tham gia vào đời sống chính trị quốc tế; hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô và hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa đứng đầu là Mỹ và các nước Tây Âu là biểu hiện của giai đoạn toàn cầu hoá lần thứ ba.

Như vậy, xét về quy mô, tính chất cả ba giai đoạn toàn cầu hoá nói trên đều gắn với cuộc chiến tranh xâm lược, với chính sách thực dân trên mọi lĩnh vực; đồng thời là hệ quả trực tiếp của các cuộc chiến tranh.

Khác hẳn với những gì diễn ra trong lịch sử, xu hướng toàn cầu hoá hiện nay diễn ra ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Về bản chất, đó là kết quả của sự phát triển của lực lượng sản xuất, cụ thể là cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nền kinh tế thị trường. Với bản chất như vậy, có thể nói, toàn cầu hoá là hệ quả tất yếu của văn minh nhân loại.

Đứng trước xu thế tất yếu như vậy, mỗi quốc gia dù trình độ phát triển cao hay thấp đều phải hội nhập, tìm chỗ đứng cho mình trong dòng chảy tất yếu của lịch sử. Đối với Việt Nam, do đặc điểm nằm trong khu vực giao lưu Đông - Tây; bên cạnh hai nền văn minh lớn Ấn

*. Th.S., Học viện Viện Chính trị Khu vực I.

Độ và Trung Quốc, nên quá trình giao lưu, tiếp nhận ảnh hưởng quốc tế diễn ra sớm và có những đặc điểm riêng trong quá trình hội nhập. Hiện nay, Việt Nam phải chịu tác động không nhỏ của xu hướng toàn cầu hoá đối với mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có sự tác động tới quan hệ dân tộc và tôn giáo. Điều này được biểu hiện ở những xu thế cơ bản sau:

Thứ nhất, đoàn kết giữa tôn giáo và dân tộc vẫn trở thành xu thế nổi trội

Trong điều kiện hiện nay, xu thế đoàn kết tôn giáo và dân tộc vẫn là dòng chủ lưu xuất phát từ những yếu tố truyền thống, lịch sử và văn hoá. Nhìn một cách tổng quát, suốt chiều dài của mấy ngàn năm lịch sử vấn đề nổi trội vẫn là tinh thần yêu nước, tinh thần cố kết cộng đồng. Tinh thần đó trở thành phương cách, đạo lí sống của người Việt Nam. Tinh thần đoàn kết đó đã trở thành sức mạnh quật khởi để dân tộc Việt Nam chiến thắng kẻ thù. Lịch sử Việt Nam đã từng chứng kiến sự giành lại độc lập dân tộc sau hơn ngàn năm Bắc thuộc, nhà Trần ba lần đánh tan quân Nguyên - Mông, nhà Lê đánh thắng quân xâm lược Minh, Quang Trung đại phá quân Thanh. Tinh thần đoàn kết đó lại được thử thách qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, để đến hôm nay tinh thần đó lại trở thành sức mạnh vô địch trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên nền tảng của sự đoàn kết, hưởng ứng chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay, các tôn giáo tham gia tích cực vào khối đại đoàn kết dân tộc. Biểu hiện rõ nhất là các tôn giáo xác định đường hướng đồng hành cùng dân tộc, đồng thuận với những mục tiêu chung mà Đảng Cộng sản Việt Nam

đề ra, các tín đồ và chức sắc tôn giáo tích cực tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội, tham gia xây dựng chính quyền các cấp. Đặc biệt là việc vận động cử tri theo các tôn giáo tham gia bầu cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. “Theo số liệu của 44/64 tỉnh, thành trong cả nước có khoảng 779 chức sắc, chức việc trúng cử đại biểu hội đồng nhân dân ba cấp, trong đó cấp tỉnh là 39, cấp huyện có 186, cấp xã có trên 554 người”⁽¹⁾.

Xét về góc độ văn hoá, các tôn giáo tích cực hưởng ứng, tham gia xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, xây dựng làng văn hoá, xã văn hoá, gia đình văn hoá. Điều đáng nói, trên bình diện đạo đức đồng bào theo các tôn giáo đã góp phần quan trọng vào việc kìm hãm sự suy thoái đạo đức dưới tác động trực tiếp của mặt trái cơ chế thị trường. Bên cạnh sự đồng thuận đó, trong những năm gần đây chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ngày càng đổi mới từng bước đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào theo các tôn giáo và quần chúng nhân dân - đây là cơ sở quan trọng để phát huy tinh thần đoàn kết trong thời kì mới.

Có thể nói, trên tinh thần coi tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với xây dựng con người mới, xã hội mới, các cấp uỷ Đảng và chính quyền cùng với Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể tạo thuận lợi cho đồng bào theo các tôn giáo sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo của mình. Trong thời gian vừa qua hàng loạt các tổ chức tôn giáo thuộc 6 tôn giáo chính ở nước ta

1. Xem: *Công tác tôn giáo sau ba năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khoá IX*. Tạp chí Quản lý nhà nước, số 118/2005, tr 4- 8.

(Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hoà Hảo) được công nhận, Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo được ban hành, tạo cơ sở pháp lí cho các hoạt động tôn giáo. Ở khắp nơi các cơ sở thờ tự của tôn giáo đã được xây sửa lại khang trang hơn, đáp ứng lòng mong muốn của hàng triệu người đang hàng ngày gắn với đức tin tôn giáo. Không ít tín đồ của đạo Cao Đài, của Phật giáo Hoà Hảo thực sự cảm động bày tỏ nỗi vui mừng, sung sướng khi hệ phái tôn giáo của mình trở lại sinh hoạt bình thường, mở Đại hội Nhân sanh hoặc Đại hội toàn phái. Họ thực lòng nói rằng Đảng và Nhà nước đã thấu hiểu lòng mong ước chính đáng của chức sắc, tín đồ các tôn giáo mà chăm lo cho bà con cả về vật chất lẫn tinh thần. Kinh sách của tôn giáo đã được tái bản; ngày lễ trọng của đạo được tổ chức an toàn, trật tự và nghiêm trang; các trường đào tạo của tôn giáo được mở rộng hơn về quy mô; việc phong chức trở nên đều đặn hơn để việc hành đạo ngày càng quy củ, theo giáo luật. Các nhà tu hành và tín đồ tôn giáo mở rộng quan hệ giao lưu, học hành, dự các hoạt động của đồng đạo ở quốc tế. Bên cạnh đời sống tâm linh được đáp ứng, đời sống vật chất ổn định và từng bước được cải thiện. Thực tiễn ấy giúp cho đồng bào theo các tôn giáo tin rằng cả phân đời và phân đạo đều ngày càng tốt đẹp hơn. Bộ mặt nhiều vùng quê đã thay đổi: Nhà ngói hoá, đường thôn sạch, trường học mới, bệnh xá gắn liền với xã..., cộng thêm nhân tố giữa người với người đoàn kết, gắn bó và giúp nhau; làm cho nhiều cơ sở đông tín đồ tôn giáo ngày càng trở nên bình an, trật tự, vui vẻ làm ăn. Đó chính là nền tảng để đoàn kết đồng bào các tôn giáo, đoàn kết giữa người theo hoặc không theo tôn giáo trên địa bàn dân cư.

Thứ hai, sự gắn kết giữa tôn giáo và dân tộc tạo bản sắc văn hoá trước xu thế toàn cầu hoá.

Trở lại lịch sử của dân tộc Việt Nam, yếu tố tôn giáo là sợi dây liên kết giữa người với người trong cộng đồng quốc gia dân tộc, biểu hiện bằng quan hệ Nhà - Làng - Nước. Nhà - quan hệ huyết thống thờ tổ tiên. Tổ tiên được coi như thần bản mệnh dòng họ, tông tộc, gia đình; Làng - thờ những người có công với làng, đó là các vị Thành Hoàng làng, thần bản mệnh của cộng đồng. Những vị thần này có nguồn gốc khác nhau: Có thể là thần núi, thần sông, thổ thần, thần cây, thần đá,...; có thể là các tổ sư các nghề, người lập làng, dựng làng, người có công. Đối với Nước - thờ Vua Hùng. Một đặc điểm của xã hội phương Đông trong đó có Việt Nam, đó là việc suy tôn cá nhân, coi người ấy là đại diện cho cả cộng đồng quốc gia. Người đó thường là vua - thần (thiên tử) - người đại diện cho Trời để giúp dân lo việc nước. Ông vua - thần không chỉ lo điều hành kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, v.v... Ở thế giới hiện hữu, mà còn điều khiển cả thế giới vô hình như thần thánh, ma quỷ và linh hồn người đã khuất. Chính biểu hiện của quan hệ tôn giáo và dân tộc như vậy đã tạo ra bản sắc văn hoá, là cơ sở tiếp nhận các tôn giáo ngoại sinh: Nho, Phật, Đạo, v.v...

Nho giáo được du nhập vào nước ta những năm đầu Công nguyên theo bước chân của giai cấp thống trị phương Bắc, tuy có tính chất cưỡng chế, nhưng về sau lại chính là sự lựa chọn có ý thức của tầng lớp cầm quyền, nhằm xây dựng một quốc gia phong kiến thống nhất, tập quyền.

Với những căn cứ đã được xác định có thể khẳng định rằng, Nho giáo là một học thuyết chính trị - xã hội, song khi được du nhập vào Việt Nam đã mang màu sắc

tôn giáo. Với tư cách là một học thuyết mang tính tôn giáo, Nho giáo đã biến đổi phù hợp với tâm thức tôn giáo bản địa, đặc biệt nó “chung sống” hoặc “khúc xạ” trên nền gắn kết với văn hoá dân tộc vốn có quan hệ bền chặt.

Cũng như Nho giáo, Phật giáo là tôn giáo ngoại sinh, khi vào Việt Nam, bị “dân tộc hoá” tạo những nét, những đặc điểm riêng của Phật giáo Việt Nam. Khi vào Việt Nam, Phật giáo đã được tiếp xúc ngay với các tín ngưỡng truyền thống của dân tộc, quyện chặt với chúng, tạo ra hiện tượng rõ nhất trong hệ thống chùa thờ “Tứ Pháp” (thực ra hiện tượng “Tứ pháp” trong truyền thống dân gian là thờ các vị thần tự nhiên: mây, mưa, sấm, chớp và thờ đá); hay các vị Phật xuất thân từ Ấn Độ vốn là đàn ông, song khi được du nhập vào Việt Nam biến Phật Ông thành Phật Bà, Bồ tát Quán Thế Âm được biến thành Phật Bà Quan Âm với nghìn mắt, nghìn tay...

Đạo giáo Trung Quốc được truyền vào Việt Nam khá sớm, kết hợp với yếu tố tín ngưỡng bản địa hình thành Đạo giáo Việt Nam. Mục đích của Đạo giáo khác hẳn với các tôn giáo khác đó là không xây dựng một ảo tưởng về cuộc sống ở cõi Niết Bàn, mà là xây dựng một xã hội sung túc cả về vật chất lẫn tinh thần. Yếu tố này đã bù đắp được những chỗ thiếu của Nho giáo, Phật giáo, tạo nên bộ mặt hoàn chỉnh của tôn giáo Việt Nam.

Điểm qua sự du nhập của các tôn giáo như: Nho, Phật, Đạo có thể tạm rút ra một kết luận rằng khi vào Việt Nam các tôn giáo đều phải biến đổi ít nhiều, hay bị khúc xạ bởi những yếu tố văn hoá bản địa để tạo thêm bản sắc văn hoá - đây là yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh của dân tộc chống lại hàng ngàn năm Bắc thuộc, giành lại độc lập cho dân tộc.

Do sự phát triển của lực lượng sản xuất, dẫn tới sự hình thành chủ nghĩa tư bản; đồng thời kéo theo là quá trình xâm chiếm, khai thác thuộc địa của chủ nghĩa tư bản diễn ra khắp toàn cầu. Trước bối cảnh đó, Việt Nam lại rơi vào sự xâm chiếm của chủ nghĩa thực dân, cụ thể là thực dân Pháp. Với sự “bắt tay” vô tình hay cố ý giữa thực dân Pháp và Công giáo lại một lần nữa xảy ra mâu thuẫn giữa dân tộc với những kẻ đi xâm lược và xảy ra xung đột giữa hai nền văn minh. Xung đột này chỉ được giải quyết khi độc lập dân tộc được khẳng định và xác lập, khi những nội dung: đối thoại, hợp tác, bám rễ vào dân tộc của Công đồng Vatican II.

Như vậy, nhìn suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, yếu tố tôn giáo đã là một bộ phận của văn hoá, gắn kết với dân tộc chống lại mưu đồ đồng hoá dân tộc, xoá nhòa bản sắc. Vậy trong xu thế toàn cầu hoá này tôn giáo và dân tộc gắn kết với nhau như thế nào? Đó vẫn là xu hướng gắn kết tôn giáo với dân tộc tạo thành bản sắc văn hoá Việt Nam, song có điều sự gắn kết đó lại diễn ra dưới hình thức hoàn toàn mới mẻ. Đó là “các tôn giáo đang có xu thế biến đổi thích nghi hơn với đời sống và xã hội trong điều kiện mới mở cửa hội nhập và giữ vững căn tính xã hội chủ nghĩa”⁽²⁾. Sở dĩ có biểu hiện này theo chúng tôi xuất phát từ khung cảnh toàn cầu hoá, trong đó có vấn đề toàn cầu hoá tôn giáo. Nhìn một cách khái quát, các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay một mặt đang biến đổi để thích nghi với xu thế lớn của thời đại; mặt khác không thể không duy trì “căn tính” văn hoá của dân tộc mình và cũng không thể không bám rễ

2. Xem: GS. Đỗ Quang Hưng. *Tôn giáo và Dân tộc*. Báo An ninh Thế giới cuối tháng, số 56, tháng 3, năm 2006, tr 18.

sâu vào đời sống xã hội mình. Nhận xét này được biểu hiện ở góc độ cơ bản sau:

Về phía các tín đồ tôn giáo: Do sự phát triển nhanh của yếu tố khoa học - công nghệ và yếu tố thị trường nên đời sống của phần đông tín đồ được cải thiện rõ rệt, trình độ học vấn ngày càng được nâng lên. Vì vậy ý thức trách nhiệm “song trùng” vừa là tín đồ tôn giáo, vừa là công dân nước Việt Nam được xác định rõ nét hơn, mỗi cá nhân có điều kiện suy tư về lối sống đạo của mình. Và thực tế “lối sống đạo cũ cải tiến rất nhiều theo lối chiêm nghiệm cá nhân. Nếu như các tín đồ trước đây nặng về suy tư cứu rỗi và luôn cầu xin Đấng Cứu Rỗi thì thế hệ tín đồ mới ngày càng tiếp cận nghiêng về bình diện văn hoá và tâm lí - do họ cần sự cân bằng trong tâm tưởng trước sự căng thẳng đến mức trần trụi của nền kinh tế thị trường và nền văn minh tiêu thụ... đang xâm nhập xã hội nước ta”⁽³⁾.

Về phía các giáo hội: Có thể nói trong thời gian gần đây dưới áp lực của yếu tố hội nhập, các tôn giáo luôn ý thức việc “cải tạo giáo hội” theo chiều hướng ngày càng đồng hành với dân tộc, đồng hành với chế độ mới và xu thế này ngày càng diễn ra sâu sắc hơn. Đó là tinh thần canh tân, nhập thế, đổi mới thần học, sinh hoạt lễ nghi, phụng sự và hội nhập văn hoá của Công giáo; nhập thế, hiện đại hoá và đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội của Phật giáo; nước vinh, đạo sáng của đạo Cao Đài; phụng đạo, yêu nước, gắn bó với dân tộc của Phật giáo Hòa Hảo; và đối với đạo Tin Lành thì mục tiêu sống phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc vẫn là mục tiêu thường trực.

Như vậy, có thể khẳng định, trước xu thế toàn cầu hoá sự gắn kết giữa tôn giáo và dân tộc tạo nên bản sắc văn hoá

vẫn là xu hướng cơ bản, song có điều trong quá trình đó các tôn giáo cũng tự phải biến đổi mình để thích nghi, để tồn tại, thậm chí phát triển theo yêu cầu xã hội tiến nhanh trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Điều đó cũng đúng như tinh thần của Hội đồng Giám mục Việt Nam ý thức mình là con cháu Lạc Hồng và đều là chủ nhân của đất nước. Ai cũng muốn đất nước mình, Tổ quốc mình thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, hội nhập với thế giới với tầm cỡ cuộc sống sáng giá. Trong Bức thư chung của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 1980 có đoạn: “Là hội thánh trong lòng dân tộc Việt Nam, chúng ta quyết gắn bó với vận mạng quê hương, noi theo truyền thống dân tộc, hoà mình vào cuộc sống hiện tại của đất nước. Công đồng dạy rằng “Hội thánh phải đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ một số phận trần gian với thế giới”. Vậy chúng ta phải đồng hành với dân tộc mình, cùng chia sẻ một cộng đồng sinh mạng với dân tộc mình, vì quê hương này là nơi chúng ta được Thiên Chúa mời gọi để làm con của Người, Đất nước này là lòng mẹ cưu mang chúng ta trong quá trình thực hiện ơn gọi làm con Thiên Chúa, Dân tộc này là cộng đồng mà Chúa trao cho chúng ta để phục vụ với tính cách vừa là công dân, vừa là thành phần Dân Chúa”⁽⁴⁾.

Thứ ba, các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo, tộc người nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc

3. Xem: GS. Đỗ Quang Hưng. *Tôn giáo và Dân tộc*. Báo An ninh Thế giới cuối tháng, số 56, tháng 3, năm 2006, tr 18; Xem thêm: *Về Tôn giáo và xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Xã hội học, số 2/2005, tr 33- 43.

4. Thư chung năm 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam, Dẫn theo tập văn bản về tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo Việt Nam, Nxb Tôn giáo, Hà Nội 2003, tr 62.

Lợi dụng vấn đề tôn giáo với mưu đồ chính trị luôn là bản chất cố hữu, không thay đổi của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay dưới tác động của xu thế toàn cầu hoá, sự lợi dụng vấn đề tôn giáo của các thế lực thù địch mang nội dung mới và tính chất phức tạp hơn nhiều. Thực tiễn trong thời gian gần đây sự phát triển nhanh của đạo Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã làm cho đời sống tôn giáo ở khu vực này có nhiều nét mới và những mặt tích cực mà nó đem lại là điều không thể phủ nhận. Song, có điều sự phát triển đó lại dẫn tới một hệ lụy khác là làm suy giảm và lụi tàn văn hoá, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc ở những khu vực đó. Điều đặc biệt là cùng với sự phát triển của đạo Tin Lành, các thế lực thù địch đã lợi dụng những vấn đề văn hoá, tộc người của một số dân tộc thiểu số để phục vụ cho những mưu đồ chính trị, ví dụ như dựng lên cái gọi là “Tổ quốc của người Mông” gắn với Tin Lành - Vàng Chứ hay cái gọi là “Nhà nước Tin Lành Đêga” ở Tây Nguyên, nhằm mưu đồ li khai khỏi Tổ quốc Việt Nam. Ở những nơi này tình trạng chia rẽ, mất đoàn kết nhiều khi trở thành điểm nóng gây ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống chính trị - xã hội khu vực, ảnh hưởng tới việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là những hiện tượng lợi dụng vấn đề tôn giáo, tộc người phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc.

Như vậy, nhìn vào diễn biến phức tạp của tình hình tôn giáo, tộc người ở một số vùng dân tộc thiểu số ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, bước đầu có thể đưa ra một số nhận xét rằng, trong điều kiện hiện nay các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, tộc người làm cái cớ để can thiệp vào công việc nội bộ, phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc. Ở nước ta, từ sau năm 2001 các thế lực thù địch công khai

ủng hộ, dựng lên cái gọi là "Nhà nước Đêga", "Tin Lành Đêga" nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa người Kinh và người Thượng, chia rẽ và phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc, và muốn tách Tây Nguyên ra khỏi Tổ quốc Việt Nam. Mưu đồ này được dựng bởi những kịch bản tương tự như “Tổ quốc của người Mông” với Tin Lành - Vàng Chứ ở các tỉnh miền núi phía Bắc, “Nhà nước Khmer Crôm” gắn với Phật giáo Nam Tông ở khu vực Tây Nam Bộ.

Rõ ràng, cái gọi là “Tổ quốc của người Mông” gắn với Tin Lành- Vàng Chứ ở Tây Bắc, “Nhà nước Đêga” gắn với Tin Lành Đêga ở Tây Nguyên, “Nhà nước Khmer Crôm” gắn với Phật giáo Nam Tông của người Khmer, không phải là cái gì khác hơn là sự lợi dụng vấn đề tôn giáo, tộc người nhằm chia rẽ, gây mất đoàn kết dân tộc, tôn giáo trong một quốc gia đa tộc người, đa tôn giáo - đây cũng là xu hướng cần được nghiên cứu trong mối quan hệ tôn giáo và dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại, như đã trình bày, sự vận động, biến đổi của mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo gắn chặt với sự vận động và biến đổi của tồn tại xã hội. Trong điều kiện hiện nay do tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hoá, nên quan hệ dân tộc và tôn giáo có những điểm khác biệt so với trước. Chính sự khác biệt đó là cơ sở để chúng ta nghiên cứu nhằm bổ sung lí luận về tôn giáo và hoạch định chính sách về quản lí tôn giáo nhằm một mặt đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo một cách chân chính, theo đúng hiến pháp và pháp luật; mặt khác, chống lại và làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo, dân tộc của các thế lực thù địch nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân, gây mất ổn định chính trị- xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay./.